

Số: **357** /BC-UBND

Nga Sơn, ngày **21** tháng 9 năm 2018

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác cải cách thủ tục hành chính năm 2015 - 2017

Thực hiện kế hoạch số 94/KH-HĐND ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Hội đồng nhân dân huyện Nga Sơn về Tình hình, kết quả thực hiện công tác cải cách thủ tục hành chính năm 2015-2017; UBND huyện báo cáo như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TỪ NĂM 2015-2017

1. Việc quán triệt, triển khai, ban hành các văn bản về cải cách thủ tục hành chính.

UBND huyện đã tiếp thu chỉ đạo của Trung ương, của UBND tỉnh thông qua các văn bản:

- Nghị định số 63/2010/NĐ-CP, ngày 8/6/2010 của Chính phủ về Kiểm soát Thủ tục hành chính.

- Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương ; Chỉ thị số 13/CT-TTg, ngày 10/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính các cấp trong công tác cải cách thủ tục hành chính.

Nghị định 61/2018/NĐ-CP về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Quyết định số 950/QĐ-UBND ngày 19/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND huyện.

- Quyết định số 1579/QĐ-UBND ngày 03/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Công thương.

- Quyết định 1605/QĐ-UBND ngày 04/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo, tiếp công dân, xử lý đơn thư và phòng chống tham nhũng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của thanh tra tỉnh Thanh Hóa.

- Quyết định 1822/QĐ-UBND ngày 17/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc công bố TTHC lĩnh vực nông thôn mới thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã, tỉnh Thanh Hóa.

- Quyết định 1831/QĐ-UBND ngày 17/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc bãi bỏ quyết định 3487/QĐ-UBND ngày 24/10/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về quy định mức chi cụ thể đảm bảo cho các hoạt động thực hiện kiểm soát TTHC trên địa bàn tỉnh.

- Quyết định số 4764/2016/QĐ-UBND ngày 9/12/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng các khoản thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh, áp dụng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

- Quyết định 1997/QĐ-UBND ngày 30/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc công bố danh mục TTHC trong lĩnh vực đăng ký biện pháp bảo đảm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và môi trường/ UBND huyện tỉnh Thanh Hóa.

- Quyết định 2192/QĐ-UBND ngày 12/6/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc công bố danh mục TTHC sửa đổi bãi bỏ trong lĩnh vực chứng thực thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa.

- Quyết định 2107/QĐ-UBND ngày 6/6/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc công bố TTHC lĩnh vực quản lý giá thuộc thẩm quyền quản lý Nhà nước của Sở Tài chính tỉnh Thanh Hóa.

- Quyết định 2193/QĐ-UBND ngày 12/6/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc bổ sung bãi bỏ danh mục TTHC lĩnh vực chứng thực thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Sở Tư pháp thực hiện và không thực hiện tiếp nhận trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích trên địa bàn tỉnh;

- Quyết định số 1666/QĐ-UBND ngày 22/5/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt đề án thành lập TTHCC tỉnh và TTHCC cấp huyện trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

- Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 23/4/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về kiểm soát TTHC

- Quyết định số 876/2017/QĐ-UBND ngày 27/3/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Quy định công khai kết quả giải quyết TTHC, công khai xin lỗi trong giải quyết TTHC của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa,....

2. Các văn bản UBND huyện ban hành liên quan đến cải cách TTHC

Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, của UBND tỉnh, UBND huyện đã chỉ đạo, thực hiện cải cách TTHC thông qua các văn bản sau:

- Quyết định số 1894/QĐ-UBND ngày 16/11/2011 về việc thành lập Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả;

- Quyết định số: 257/QĐ-UBND ngày 15/3/2012 về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả;

- Quyết định số: 915/QĐ-UBND ngày 01/12/2015 về việc quản lý, sử dụng nguồn phí, lệ phí và chi phí thẩm định tại Bộ phận “ Một cửa:” thuộc Văn phòng HĐND-UBND huyện;

- Thông báo số: 151/TB-UBND ngày 3/10/2016 về Kết luận Hội nghị của UBND huyện về một số đề xuất, kiến nghị của Văn phòng đăng ký QSD đất.

- Công văn số 982/UBND ngày 26/12/2016 về việc đôn đốc chấn chỉnh thực hiện các TTHC trên phần mềm điện tử.

- Công văn số 687/UBND –NV ngày 30/9/2015 về việc đẩy mạnh công tác cải cách TTHC và triển khai Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

- Quyết định số 1077/QĐ-UBND ngày 19/12/2017 về việc Thành lập Trung tâm Hành chính công huyện Nga Sơn;

- Quyết định số 43/QĐ-UBND ngày 12/01/2018 của UBND huyện Nga Sơn về việc Ban hành quy phối hợp giải quyết các TTHC cho tổ chức, cá nhân trên địa bàn huyện tại TTHCC huyện Nga Sơn.

- Quyết định số 44/QĐ-UBND ngày 12/01/2018 của UBND huyện Nga Sơn về việc Ban hành quy chế hoạt động của TTHCC huyện Nga Sơn.

- Quyết định số: 361/QĐ-UBND ngày 7/4/2016 về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

- Kế hoạch số 83/KH-UBND ngày 25/9/2016 về rà soát, đơn giản hóa TTHC năm 2016;

- Kế hoạch số 41/KH-UBND ngày 19/4/2016 về kiểm soát TTHC năm 2016 trên địa bàn huyện;

- Công văn số 598/UBND-TP ngày 17/8/2017 của UBND huyện về việc niêm yết, thực hiện các TTHC đã được giảm thời gian giải quyết.

- Hướng dẫn số 495/HD-UBND ngày 29/5/2018 về việc quản lý, sử dụng nguồn phí, lệ phí và chi phí thẩm định tại Trung tâm hành chính công huyện.

- Báo cáo số 67/BC-UBND ngày 28/3/2016 đánh giá kết quả thực hiện công tác cải cách thủ tục hành chính Quý I năm 2016; Báo cáo số 99/BC-UBND

ngày 13/5/2016 đánh giá kết quả thực hiện công tác cải cách thủ tục hành chính 6 tháng đầu năm 2016; Báo cáo số 213/BC-UBND ngày 15/8/2016 đánh giá kết quả thực hiện công tác cải cách thủ tục hành chính Quý III năm 2016; Báo cáo số 26/BC-UBND ngày 24/01/2017 đánh giá kết quả thực hiện công tác cải cách thủ tục hành chính Quý I năm 2017; Báo cáo số 129/BC-UBND ngày 28/4/2017 về tình hình thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông Quý I/2017. Báo cáo số 346/BC-UBND ngày 02/9/2017 tình hình thực hiện quy định công khai kết quả giải quyết thủ tục hành chính, công khai xin lỗi trong giải quyết TTHC, ...

Công tác bồi dưỡng kiến thức cho cán bộ, công chức, viên chức; tập huấn nghiệp vụ thống kê, rà soát TTHC; kỹ năng giao tiếp tại bộ phận "một cửa"; triển khai thực hiện Bộ TTHC được công bố; Nghị định 63/2010/NĐ-CP ngày 22/6/2007 của Chính phủ về kiểm soát TTHC, Nghị định 20/2008/NĐ-CP 14/02/2008 của Chính phủ quy định việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính:

Hàng năm UBND huyện đã tổ chức tập huấn triển khai ứng dụng phần mềm một cửa, phần mềm theo dõi nhiệm vụ, kỹ năng giao tiếp công vụ cho đội ngũ cán bộ công chức từ huyện xuống xã,...

3. Công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện:

- Tổng số thủ tục hành chính được UBND tỉnh công bố thực hiện tại UBND huyện là 205 thủ tục, đã niêm yết thực hiện tại huyện là 205 Tổng số thủ tục hành chính được UBND tỉnh công bố thực hiện tại UBND huyện là 205 thủ tục trên 29 lĩnh vực. Tổng số thủ tục hành chính đã áp dụng cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong 3 năm 2015 – 2017 là 198/29 lĩnh vực. Cụ thể:

Lĩnh vực Lao động, tiền lương, quan hệ lao động: 02TTHC

Lĩnh vực Người có công: 03TTHC

Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp: 05TTHC

Lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội: 02 TTHC

Lĩnh vực Bảo trợ xã hội: 10 TTHC

Lĩnh vực Giáo dục & ĐT: 20 TTHC

Lĩnh vực Thành lập và hoạt động HTX: 19 TTHC

Lĩnh vực Thành lập và hoạt của hộ kinh doanh: 06 TTHC

Lĩnh vực hộ tịch: 16 TTHC

Lĩnh vực Bồi thường nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính: 07 TTHC

Lĩnh vực Chứng thực: 12 TTHC

Lĩnh vực Phổ biến giáo dục pháp luật: 02 TTHC

Lĩnh vực Hòa giải ở cơ sở: 01 TTHC

Lĩnh vực phát triển nông thôn: 01 TTHC
Lĩnh vực lâm nghiệp: 16 TTHC
Lĩnh vực Thủy sản: 08 TTHC
Lĩnh vực Quy hoạch-Kiến trúc, Xây dựng: 06 TTHC
Lĩnh vực đường thủy nội địa: 09 TTHC
Lĩnh vực Hạ tầng kỹ thuật: 01 TTHC
Lĩnh vực đăng ký giao dịch bảo đảm: 10 TTHC
Lĩnh vực Đất đai: (27 TTHC)
Lĩnh vực biên hải đảo: 01 TTHC
Lĩnh vực môi trường: 02 TTHC
Lĩnh vực Văn hóa cơ sở: 02 TTHC
Lĩnh vực Thư viện: 03 TTHC
Lĩnh vực thể thao: 01 TTHC
Lĩnh vực Xuất bản, In và phát hành: 02 TTHC
Lĩnh vực Thi đua khen thưởng: 02 TTHC
Lĩnh vực Trẻ em: 01 TTHC

Tổng số thủ tục hành chính ở UBND xã được công bố là 162, trên địa bàn huyện thực hiện 143 thủ tục, cụ thể từng thủ tục: (phụ lục kèm theo)

UBND huyện đã triển khai ứng dụng phần mềm một cửa do UBND tỉnh cấp, phần mềm quản lý văn bản, phần mềm theo dõi nhiệm vụ. Thông qua các phần mềm giúp giải quyết các TTHC, xử lý công việc nhanh gọn, gắn liền với trách nhiệm của mỗi cán bộ công chức. Tuy nhiên việc ứng dụng còn hạn chế, vẫn còn một số phòng, ban, UBND xã, thị trấn chưa quan tâm đúng mức nên kết quả giải quyết TTHC của huyện được thể hiện trên hệ thống theo của UBND tỉnh còn thấp.

4. Việc công khai, minh bạch thủ tục hành chính:

Tại bộ phận một cửa của 27 xã, thị trấn và TTHCC huyện đã niêm yết đầy đủ bộ TTHC, Bảng thu phí, lệ phí trên bảng khung bạt, trên giấy A3 và trên công thông tin điện tử của huyện, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, công dân tra cứu.

5. Về rà soát, đơn giản hóa TTHC

Thực hiện Quyết định số 08/QĐ-TTg ngày 06/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch đơn giản hóa thủ tục hành chính trọng tâm năm 2015; Quyết định số 347/QĐ-UBND ngày 25/01/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành kế hoạch kiểm soát TTHC năm 2017; UBND huyện đã ban hành kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 30/3/2017 của UBND huyện Nga Sơn, kết quả thực hiện như sau:

Đã thực hiện cắt giảm bình quân 30% thời gian giải quyết TTHC, trong đó có thủ tục cắt giảm tới 70% thời gian

Số TTHC được giảm thời gian là 82 thủ tục; Số TTHC giải quyết trong ngày tại UBND huyện là 26 thủ tục; Số TTHC giải quyết tại UBND huyện là 89 thủ tục; Số TTHC liên thông đưa vào thực hiện tại UBND huyện là 24 thủ tục.

(Phụ lục kèm theo)

6. Việc ứng dụng công nghệ thông tin, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng trong cải cách thủ tục hành chính:

Với phần mềm hỗ trợ giải quyết TTHC được chạy trên môi trường Internet; Cán bộ, công chức cơ quan có thể truy cập mạng để xử lý ở mọi lúc, mọi nơi. Đối với tổ chức, cá nhân có điều kiện truy cập Internet, có thể tra cứu kết quả giải quyết TTHC ở bất cứ nơi nào có Internet mà không phải đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả để sử dụng thiết bị quét mã vạch.

Để tăng cường vai trò giám sát, hình ảnh hoạt động từ bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả, UBND huyện đã lắp đặt hệ thống camera và công khai dữ liệu giải quyết TTHC cập nhật trên Cổng TTĐT của huyện, mọi tổ chức, cá nhân có thể đăng nhập để theo dõi thường xuyên.

UBND huyện đã áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9002 vào hoạt động quản lý hành chính nhà nước trong việc chuẩn hóa các phương pháp làm việc với mục tiêu hướng tới sự hài lòng của tổ chức, công dân có liên quan là một nhiệm vụ quan trọng trong quá trình cải cách TTHC;

7. Việc thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông:

Trên địa bàn huyện đã triển khai 27 xã, thị trấn thực hiện cơ chế một cửa” “một cửa liên thông”

Tại UBND huyện đã bố trí 5 cán bộ làm việc tại TTHCC do Phó Chánh Văn phòng phụ trách điều hành, 04 cán bộ tiếp nhận hồ sơ và 01 cán bộ phụ trách quản trị mạng.

Tại 27 xã, thị trấn đã bố trí 56 cán bộ ở các chức danh Văn phòng- Thống kê, Tư pháp- Hộ tịch, Văn thư-Lưu trữ tiếp nhận hồ sơ tại bộ phận một cửa.

Đối với UBND huyện: Đã được UBND tỉnh trang bị phần mềm một cửa để thực hiện giải quyết TTHC; Tại Bộ phận 1 cửa trang bị tương đối đầy đủ thiết bị các thiết bị, như: 01 máy chủ, 05 máy tính, 01 máy photocopy, 02 máy in, 01 tăng âm, 2 loa, lắp đặt camera, điều hòa đủ ghế cho công dân đến giao dịch.

Đối với Bộ phận 1 cửa các xã, thị trấn: Đến năm 2017 có 23 đơn vị (Nga Thành, Nga An, Nga Hưng, Nga Liên, Nga Mỹ, Nga Trường, Thị trấn, Nga Thạch, Nga Tiến, Nga Văn, Nga Thiện, Nga Điền, Nga Tân, Nga Hải, Nga Yên,

Nga Thắng, Nga phú, Nga Thủy, Nga Trung, Nga Giáp, Nga Thái, Nga Thanh, Nga Vịnh) đã có phòng làm việc riêng cho bộ phận một cửa; 4/27 đơn vị còn lại bố trí tiếp nhận và trả kết quả cùng với bộ phận chuyên môn, vừa làm chuyên môn vừa kết hợp giải quyết TTHC;

Các xã đã đầu tư mua sắm trang thiết bị cần thiết phục vụ cho việc giải quyết TTHC như: Máy tính, máy in, máy photocopy, bàn quầy, ghế đợi cho tổ chức công dân.

8. Kết quả giải quyết cho tổ chức và người dân:

Từ 2015 – 2017 UBND huyện tiếp nhận và giải quyết 17.788 hồ sơ công việc, Năm 2015 tiếp nhận 5.378 hồ sơ, giải quyết đúng hạn 5046 hồ sơ đạt 97,4%; năm 2016 tiếp nhận 6.160 hồ sơ, giải quyết đúng hạn 5.442, đạt 95,3%; năm 2017 tiếp nhận 5.250 hồ sơ, giải quyết đúng hạn 5.756 hồ sơ, đạt 97,2%;

8 tháng đầu năm 2018 tiếp nhận 4.885 hồ sơ, giải quyết đúng hạn 4.685, đạt 98,86%; cụ thể từng lĩnh vực như sau:

- Lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường đã tiếp nhận 16.587 hồ sơ công việc, (trong đó năm 2015 tiếp nhận 4042 hồ sơ, giải quyết đúng hạn 3.882 hồ sơ, đạt 97,4%; năm 2016 tiếp nhận 4314 hồ sơ, giải quyết đúng hạn 3.789, đạt 94,1%; năm 2017 tiếp nhận 4703 hồ sơ, giải quyết đúng hạn 4.468, đạt 96,5%; 8 tháng đầu năm 2018 tiếp nhận 3.528 hồ sơ, giải quyết đúng hạn 3.608, đạt 98,5%

- Lĩnh vực Tài chính Kế hoạch đã tiếp nhận 3.411 hồ sơ công việc, giải quyết 3.406 hồ sơ, công việc đạt 98,8%; năm 2015 tiếp nhận 678 hồ sơ, giải quyết đúng hạn 677 hồ sơ, đạt 99,8%; năm 2016 tiếp nhận 1102 hồ sơ, giải quyết 1.101, đạt 99,3%; năm 2017 tiếp nhận 950 hồ sơ, giải quyết 922, đạt 97,1%; 8 tháng đầu năm 2018 tiếp nhận 681 hồ sơ, giải quyết đúng hạn 706 hồ sơ, đạt

- Lĩnh vực Công thương đã tiếp nhận 643 hồ sơ công việc, giải quyết 643 hồ sơ, công việc đạt 100%; năm 2015 tiếp nhận 119 hồ sơ, giải quyết 119 hồ sơ, đạt 100%; năm 2016 tiếp nhận 106 hồ sơ, giải quyết 101 hồ sơ, đạt 95,3%; năm 2017 tiếp nhận 225 hồ sơ, giải quyết 210 hồ sơ, đạt 93,3 %;

- Lĩnh vực Tư pháp đã tiếp nhận 511 hồ sơ công việc, giải quyết 510 hồ sơ, công việc đạt 99,8%; năm 2015 tiếp nhận 245 hồ sơ, giải quyết 245 hồ sơ, đạt 100%; năm 2016 tiếp nhận 145 hồ sơ, giải quyết 145 hồ sơ, đạt 100%; năm 2017 tiếp nhận 56 hồ sơ, giải quyết 54 hồ sơ, đạt 96,4 %; 8 tháng năm 2018 tiếp nhận 65 hồ sơ, đã giải quyết 64 hồ sơ, đạt 98,4%

- Lĩnh vực Lao động TB&XH đã tiếp nhận 263 hồ sơ công việc, giải quyết 263 hồ sơ, đạt 100%; năm 2015 tiếp nhận 50 hồ sơ, giải quyết 50 hồ sơ, đạt 100%; năm 2016 tiếp nhận 195 hồ sơ, giải quyết 195 hồ sơ, đạt 100%; năm 2017

tiếp nhận 14 hồ sơ, giải quyết 14 hồ sơ, đạt 100 %; 8 tháng đầu năm 2018 tiếp nhận 4 hồ sơ, giải quyết 4 hồ sơ, đạt 100%.

- Lĩnh vực Nông nghiệp đã tiếp nhận 220 hồ sơ công việc, giải quyết 218 hồ sơ, công việc đạt 99% (trong đó năm 2015 tiếp nhận 73 hồ sơ,; năm 2016 tiếp nhận 101 hồ sơ, giải quyết 91 hồ sơ, đạt 90%; năm 2017 tiếp nhận 98 hồ sơ, giải quyết 90 hồ sơ, đạt 91,8 %; 8 tháng đầu năm 2018 tiếp nhận 21 hồ sơ, giải quyết 19 hồ sơ, đạt 90,5%. (*Bảng số liệu kèm theo*)

9. Kết quả thực hiện thu phí, lệ phí tại bộ phận một cửa

98.1. Kết quả thu, chi thực hiện cải cách TTHC trong 3 năm 2015 -2017

- Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận giải quyết trong 3 năm 2015-2017 tại UBND huyện là 17.160 Hồ sơ

- **Tổng số kinh phí thu: 1.524.004.000đ**, trong đó:

Năm 2015 thu : 352.393.000đ

Năm 2016 thu: 411.534.000đ

Năm 2017 thu : 760.077.000đ

- **Tổng số chi: 1.524.004.000đ**

Nộp ngân sách: 208.265.000đ

Chi trả lương và hoạt động bộ phận một cửa: 406.616,550đ

Trích về phòng ban chuyên môn: 909.121.950đ

(*Bảng số liệu chi tiết kèm theo*)

9.2. Phương thức thanh toán thu – chi phí, lệ phí:

Các khoản phí, lệ phí thu theo quy định (QĐ số 4764/QĐ-UBND ngày 9/12/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa ; QĐ số: 2850/2017/QĐ-UBND ngày 07/8/2017 của UBND tỉnh TH; QĐ số 1579/QĐ-UBND ngày 3/5/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa, Thông tư số: 210/2016/TT-BTC...) được niêm yết công khai tại Bộ phận một cửa và trên cổng thông tin điện tử huyện. Bộ phận một cửa sử dụng biên lai thuế để tổ chức thu.

Số phí, lệ phí thu được trích nộp ngân sách nhà nước theo qui định và số còn lại được chi cho các phòng, ban và trả lương, BHXH hoạt động của bộ phận một cửa, cụ thể như sau:

Năm 2015: Thực hiện theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Bộ phận Tiếp nhận HS và trả kết quả giải quyết TTHC huyện Nga Sơn thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông số kèm theo quyết định số: 257/QĐ-UBND ngày 15/3/2012 của UBND huyện Nga Sơn

- Nộp ngân sách; 46.790.000 đ;

- Chi trả lương bảo hiểm cho 2 lao động và hoạt động của bộ phận Một cửa: 305.603.000đ

Năm 2016, 2017: Thực hiện theo Quyết định số: 915/QĐ – UBND, ngày 1/12/2105 của UBND huyện, số tiền phí, lệ phí thu được chia theo tỷ lệ:

- Nộp ngân sách: 161,475,500đ
- 10% trích chi hoạt động của Bộ phận một cửa: 101,013,550đ
- 90% chi cho phòng, ban chuyên môn: 909,121,950đ

Năm 2018: Thực hiện theo Hướng dẫn số: 495/HD-UBND ngày 29/5/2018 về việc quản lý, sử dụng nguồn phí, lệ phí và chi phí thẩm định tại Trung tâm hành chính công huyện.

- Lệ phí: nộp 100% vào Ngân sách nhà nước
- Phí: (90% chi cho các phòng, ban chuyên môn còn 10% chi cho HĐ của bộ phận một cửa).

8.3. Chế độ phụ cấp cho cán bộ, công chức làm việc tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả:

- **Năm 2015:** Cán bộ làm việc tại Bộ phận 1 cửa UBND huyện được hưởng chế độ phụ cấp 0,3 đối với cán bộ tiếp nhận HS và 0,5 đối với Trưởng bộ phận, kinh phí được trích từ nguồn thu phí, lệ phí.

Năm 2016, 2017 không có chế độ phụ cấp.

Năm 2018: Thực hiện theo Nghị quyết số 47/2017/NQ-HĐND tỉnh.

10. Về tình hình tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính và việc thực hiện quy định hành chính

Tại trụ sở UBND huyện và UBND các xã, thị trấn đều có hòm thư góp ý thực hiện tiếp nhận ý kiến của cá nhân, tổ chức về các quy định hành chính. UBND huyện đã chỉ đạo thực hiện đăng tải công khai các thông tin về địa chỉ, email, số điện thoại của cơ quan tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị trên trang thông tin điện tử của huyện để tiếp nhận xử lý phản ánh, kiến nghị, khiếu nại của cá nhân, tổ chức theo Nghị định số 20/2008/NĐ-CP của Chính phủ. (Nêu cụ thể số liệu)

11. Một số kết quả khác.

Hàng năm UBND huyện tổ chức tập huấn kỹ năng giao tiếp công vụ

Công tác kiểm tra, đánh giá thực thi công vụ của cán bộ, công chức khi tiếp nhận và giải quyết của công dân, tổ chức; Công tác khen thưởng cán bộ, công chức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chưa được thường xuyên.

Chưa xử lý cán bộ, công chức có hành vi tiêu cực, thiếu trách nhiệm.

*** Đánh giá chung**

Trong những năm qua, mặc dù điều kiện về nhân lực, trình độ chuyên môn của một số cán bộ, cơ sở vật chất còn có những thiếu thốn, song công tác cải cách TTHC được UBND huyện quan tâm đã giải quyết các TTHC cơ bản nhanh gọn, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân đến giao dịch, nâng cao hiệu quả, năng suất làm việc của cán bộ công chức trong cơ quan.

II. MỘT SỐ HẠN CHẾ TỒN TẠI VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Những hạn chế, tồn tại:

- Công tác quán triệt, chỉ đạo thực hiện cải cách TTHC chưa kiên quyết, chưa thường xuyên, nhiều thủ tục thuộc các lĩnh vực liên quan đến nhiều ngành, nhiều cấp cùng giải quyết nhưng chưa có quy định cụ thể về quy trình thực hiện nên hiệu quả giải quyết chưa cao.

- Sự phối hợp công tác giữa UBND huyện với cơ quan Thuế, Kho Bạc, Ngân hàng; giữa UBND huyện với UBND xã, thị trấn, giữa các bộ phận chuyên môn trong cùng cơ quan chưa chặt chẽ, chưa đáp ứng được yêu cầu giải quyết công việc cho tổ chức và người dân.

- Một số phòng, ban, UBND xã, thị trấn, người đứng đầu chưa chỉ đạo trực tiếp, thường xuyên công tác cải cách TTHC mà giao cấp phó phụ trách, do đó hiệu quả công tác cải cách TTHC chưa cao, hình thức. Một số đơn vị bố trí cán bộ tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả chưa đáp ứng yêu cầu, còn bố trí cán bộ bán chuyên trách, lao động hợp đồng tại bộ phận một cửa.

- Diện tích phòng tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả còn chật hẹp, cơ sở vật chất, trang thiết bị chưa bảo đảm theo quy định tại Điều 12, Quyết định số 93/2007/QĐ-TTg ngày 22/6/2007 của Thủ tướng Chính phủ.

- Việc thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông còn bộc lộ những bất cập và yếu kém. Việc đưa vào giải quyết theo cơ chế một cửa chưa được triệt để đặc biệt là lĩnh vực đất đai, xây dựng có hồ sơ giải quyết theo cơ chế một cửa, có hồ sơ phòng chuyên môn trực tiếp nhận hồ sơ và giải quyết. Cũng vì thế nên danh mục TTHC giải quyết theo cơ chế một cửa chiếm tỷ lệ còn thấp so với tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết. Tại một số phòng, ban vẫn còn hiện tượng đại diện tổ chức, người dân mặc dù nộp hồ sơ tại bộ phận một cửa nhưng vẫn gặp gỡ trực tiếp với cán bộ, công chức phòng chuyên môn bằng nhiều hình thức để được giải quyết công việc theo yêu cầu của cá nhân, tổ chức mình.

- Việc công khai TTHC tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả ở một số cơ quan, đơn vị chưa bảo đảm theo yêu cầu (danh mục TTHC được công khai còn ít; việc công khai bằng hệ thống bảng biểu chưa nhiều, chủ yếu đóng thành tập, không thuận lợi trong tra cứu văn bản). Một số đơn vị giải quyết TTHC chậm thời

hạn so với quy định; có phòng dù đã niêm yết TTHC tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả nhưng chưa giải quyết các TTHC cho tổ chức và người dân theo cơ chế một cửa;

- Một số phòng, ban chưa thường xuyên cập nhật, rà soát TTHC nhằm phát hiện, kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ kịp thời. Có đơn vị khi đối chiếu Bộ TTHC do UBND tỉnh công bố với văn bản quy phạm pháp luật có quy định về TTHC, phát hiện thêm TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết nhưng chưa phản ánh, kiến nghị với UBND tỉnh để công bố bổ sung

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong cải cách TTHC ở một số đơn vị còn hạn chế, bất cập (Phần mềm một cửa giải quyết TTHC chưa được quan tâm đúng mức, mới có đầu vào qua Trung tâm HCC, khâu xử lý HS hầu như chưa thực hiện; niêm yết TTHC tại nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thông qua màn hình cảm ứng có cài phần mềm hỗ trợ nhưng khó tra cứu, chưa thuận lợi khi có nhiều người cùng tìm hiểu thông tin về các TTHC).

- Một số phòng, ban chưa xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001 trong hoạt động quản lý hành chính nhà nước theo Quyết định số 144/2006/QĐ-TTg ngày 20/6/2006 và Quyết định số 118/2009/QĐ-TTg ngày 30/9/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Nguyên nhân của hạn chế, tồn tại:

- Nguyên nhân khách quan: Một số văn bản của trung ương thiếu đồng bộ, chồng chéo. Một số phòng, ban, xã thị trấn vẫn có xu hướng giữ thuận lợi cho hoạt động quản lý của mình nhiều hơn là đáp ứng yêu cầu, tạo thuận lợi cho nhiệm vụ chung, doanh nghiệp và người dân.

- Nguyên nhân chủ quan: Người đứng đầu một số phòng, ban, xã, thị trấn chưa quan tâm đầy đủ về tầm quan trọng của công tác cải cách hành chính nói chung và cải cách TTHC nói riêng; chưa đầu tư thời gian, công sức, trí tuệ và bố trí nguồn lực thỏa đáng cho nhiệm vụ này.

Sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong giải quyết công việc hiệu quả chưa cao. Tinh thần trách nhiệm của một bộ phận cán bộ, công chức chưa cao. Việc thanh tra, kiểm tra công vụ để phát hiện, chấn chỉnh, xử lý cán bộ, công chức chưa thường xuyên. Kinh phí giành cho cải cách TTHC chưa được quan tâm bố trí phù hợp với yêu cầu thực tế.

III. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ THỜI GIAN TỚI

1. Tăng cường công tác tuyên truyền đến các tầng lớp nhân dân về cải cách TTHC; giúp nhân dân thấy rõ tác dụng của cải cách TTHC, nâng cao niềm tin của nhân dân đối với Đảng và các cấp chính quyền.

2. Tăng cường công tác chỉ đạo thực hiện cải cách TTHC; điều hành linh hoạt các lĩnh vực tiếp nhận hồ sơ giải quyết của công dân đảm bảo đúng quy trình, nhanh gọn, chính xác.

3. Niêm yết TTHC và đưa vào thực hiện tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả đúng quy định. Thực hiện nghiêm túc theo nội dung “4 tăng, 2 giảm, 3 không” trong giải quyết TTHC theo quy định của UBND tỉnh Thanh Hóa.

4. Các xã, thị trấn sắp xếp, bố trí cán bộ có năng lực, tinh thần, trách nhiệm cao làm việc tại bộ phận “Một cửa”.

5. Cán bộ, công chức các phòng, ban chuyên môn UBND huyện thực hiện giải quyết thủ tục hành chính đúng quy trình luân chuyển hồ sơ qua môi trường Internet, thường xuyên cập nhật những quy định mới về quản lý nhà nước đối với TTHC thuộc lĩnh vực phụ trách; thông báo về Bộ phận “Một cửa” để thực hiện kịp thời.

6. Bố trí phòng riêng cho bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (đối với các xã chưa có phòng riêng); Tăng cường, bổ sung trang thiết bị cho bộ phận “một cửa” từ huyện đến xã, thị trấn theo hướng hiện đại; đảm bảo cơ sở vật chất phục vụ các phòng làm việc, phòng đón tiếp công dân theo hướng thuận tiện.

7. Tăng cường các hoạt động giám sát, kiểm soát trong thực hiện giải quyết TTHC. Có biện pháp xử lý kịp thời những hành vi tiêu cực, gây phiền hà cho tổ chức, công dân.

8. Tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện, khen thưởng đối với những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác cải cách TTHC./.

Trên đây là báo cáo kết quả giải quyết TTHC của UBND huyện Nga Sơn từ năm 2015 đến năm 2017./.

Nơi nhận:

- Thường trực Huyện ủy (b/c);
- Thường trực HĐND huyện (b/c);
- Đoàn giám sát (b/c);
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- Trưởng các phòng, ban UBND huyện;
- Lưu: VT.

TM.UBND HUYỆN
CHỦ TỊCH
Trần Ngọc Quyết

PHỤ LỤC 1:
BÁO CÁO TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THUỘC PHẠM VI THẨM QUYỀN CỦA CẤP HUYỆN
TẠI: UBND HUYỆN NGA SƠN NĂM 2015-2017

Đơn vị tính: Số hồ sơ TTHC

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết theo cấp	Số hồ sơ nhận giải quyết			Kết quả giải quyết						Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết			
			Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận	Tổng số	Trả đúng thời hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn	
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	-9	-10	-11	-12
	Tổng số TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND huyện	17469	309	17160	17186	16822	474	283	271	12	
I	Phòng Tài nguyên và Môi trường	13335	287	13048	13120	12773	457	215	206	9	
1	cấp giấy	2260	46	2214	2232	2145	87	28	26	2	
2	Chuyển nhượng QSDđất	2857	109	2748	2755	2520	235	102	98	4	
3	Tặng cho QSD đất	3628	124	3504	3524	3416	108	104	102	2	
4	Thế chấp, xóa thế chấp	3809	0	3809	3809	3809	0	0	0	0	
5	Lĩnh vực khác	781	8	773	756	729	27	25	24	1	
II	Tài chính - Kế hoạch	2737	7	2730	2702	2702	0	35	35	0	
1	ĐKKD	2422	4	2418	2411	2411	0	11	11	0	
2	Quyết toán	315	3	312	291	291	0	24	24	0	
III	Kinh tế - hạ tầng	465	15	450	442	434	8	23	20	3	
1	CPXD	176	3	173	166	163	3	10	9	1	
2	BCKTKT	289	12	277	276	271	5	13	11	2	
IV	Phòng LDTB&XH	259	0	259	259	253	6	0	0	0	
V	Phòng NN	199	0	199	191	191	0	8	8	0	
VI	Tư pháp	474	0	474	472	469	3	2	2	0	

KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NĂM 2017

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết theo cấp	Số hồ sơ nhận giải quyết			Kết quả giải quyết						Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết			
			Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận	Tổng số	Trá đúng thời hạn	Trá quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn	
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	-9	-10	-11	-12
	Tổng số TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của cấp huyện	6250	204	6046	5921	5756	165	327	315	12	
I	Phòng Tài nguyên và Môi trường	4890	187	4703	4631	4468	163	259	250	9	
1	cấp giấy	737	19	718	709	688	21	28	26	2	
2	Chuyển nhượng QSD đất	1041	56	985	939	861	78	102	98	4	
3	Tặng cho QSD đất	1444	97	1347	1340	1283	57	104	102	2	
4	Thế chấp	911	0	911	911	911	0	0	0	0	
5	Xóa thế chấp	336	0	336	336	336	0	0	0	0	
6	Lĩnh vực khác	421	15	406	396	389	7	25	24	1	
II	Tài chính - Kế hoạch	957	7	950	922	922	0	35	35	0	
1	DKKD	929	5	924	918	918	0	11	11	0	
2	Quyết toán	28	2	26	4	4	0	24	24	0	
III	Kinh tế - hạ tầng	233	8	225	210	208	2	23	20	3	
1	CPXD	115	7	108	105	104	1	10	9	1	
2	BCKTKT, đấu thầu, mời thầu	118	1	117	105	104	1	13	11	2	
IV	Lao Động TB&XH	14	0	14	14	14	0	0	0	0	
V	Phòng NN	100	2	98	90	90	0	8	8	0	
VI	Tư pháp	56	0	56	54	54	0	2	2	0	

KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NĂM 2016

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết theo cấp	Số hồ sơ nhận giải quyết			Kết quả giải quyết						Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết			
			Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận	Tổng số	Trả đúng thời hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn	
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	-9	-10	-11	-12
	Tổng số TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của cấp huyện	6160	197	5963	5710	5442	268	204	193	11	
I	Phòng Tài nguyên và Môi trường	4502	188	4314	4315	4062	253	187	179	8	
1	cấp giấy	821	13	808	802	756	46	19	17	2	
2	Chuyển nhượng QSD đất	1155	79	1076	1099	998	101	56	52	4	
3	Tặng cho QSD đất	1315	87	1228	1218	1129	89	97	96	1	
4	Thế chấp	825	0	825	825	825	0	0	0	0	
5	Xóa thế chấp	189	0	189	189	189	0	0	0	0	
6	Lĩnh vực khác	197	9	188	182	165	17	15	14	1	
II	Tài chính - Kế hoạch	1108	6	1102	1101	1093	8	7	6	1	
1	DKKD	1097	2	1095	1092	1085	7	5	5	0	
2	Quyết toán	11	4	7	9	8	1	2	1	1	
III	Kinh tế - hạ tầng	109	3	106	101	94	7	8	6	2	
1	CPXD	52	2	50	45	41	4	7	6	1	
2	BCKTKT	57	1	56	56	53	3	1	0	1	
IV	Lao Động TB&XH	195	0	195	195	195	0	0	0	0	
V	Phòng NN	101	0	101	99	99	0	2	2	0	
VI	Tư pháp	145	0	145	145	145	0	0	0	0	

KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NĂM 2015

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết theo cấp	Số hồ sơ nhận giải quyết			Kết quả giải quyết						Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết			
			Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận	Tổng số	Trả đúng thời hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn	
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	-9	-10	-11	-12
	Tổng số TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của cấp huyện	5378	171	5207	5181	5046	135	197	197	0	
I	Phòng Tài nguyên và Môi trường	4205	163	4042	4017	3882	135	188	188	0	
1	cấp giấy	863	30	833	850	840	10	13	13	0	
2	Chuyển nhượng QSD đất	1009	56	953	920	859	61	89	89	0	
3	Tặng cho QSD đất	1270	75	1195	1193	1140	53	77	77	0	
4	Thế chấp	771	0	771	771	771	0	0	0	0	
	Xóa thế chấp	162	0	162	162	162	0	0	0	0	
5	Lĩnh vực khác	130	2	128	121	110	11	9	9	0	
II	Tài chính - Kế hoạch	683	5	678	677	677	0	6	6	0	
1	ĐKKD	653	4	649	651	651	0	2	2	0	
2	Quyết toán	30	1	29	26	26	0	4	4	0	
III	Kinh tế - hạ tầng	122	3	119	119	119	0	3	3	0	
1	CPXD	66	1	65	64	64	0	2	2	0	
2	BCKTKT, mời thầu	56	2	54	55	55	0	1	1		
IV	Lao Động TB&XH	50	0	50	50	50	0	0	0	0	
V	Phòng Nông nghiệp	73	0	73	73	73	0	0	0	0	
VI	Phòng Tư pháp	245	0	245	245	0	0	0	0	0	

KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NĂM 8 THÁNG ĐẦU NĂM 2018

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết theo cấp	Số hồ sơ nhận giải quyết			Kết quả giải quyết						Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết			
			Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận	Tổng số	Trả đúng thời hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn	
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	-9	-10	-11	-12
	Tổng số TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của cấp huyện	4885	327	4558	4739	4685	54	146	136	10	
I	Phòng Tài nguyên và Môi trường	3787	259	3528	3661	3608	53	126	116	10	
1	cấp giấy	439	28	411	415	407	8	24	23	1	
2	Chuyển nhượng QSD đất	895	102	793	840	821	19	55	51	4	
3	Tặng cho QSD đất	1032	104	928	986	969	17	46	42	4	
4	Thế chấp	717	0	717	717	717	0	0	0	0	
	Xóa thế chấp	499	0	499	499	499	0	0	0	0	
5	Lĩnh vực khác	205	25	180	204	195	9	1	0	1	
II	Tài chính - Kế hoạch	716	35	681	706	706	0	10	10	0	
1	DKKD	670	11	659	666	666	0	4	4	0	
2	Quyết toán	46	24	22	40	40	0	6	6	0	
III	Kinh tế - hạ tầng	216	23	193	213	212	1	3	3	0	
1	CPXD	97	10	87	96	95	1	1	1	0	
2	BCKTKT, mời thầu...	119	13	106	117	117	0	2	2	0	
IV	Lao Động TB&XH	4	0	4	4	4	0	0	0	0	
V	Phòng Nông nghiệp	29	8	21	27	27	0	2	2	0	
VI	Phòng Tư Pháp	67	2	65	66	66	0	1	1	0	
VII	Văn Hóa - thể thao	4	0	4	0	0	0	4	4	0	
VIII	Giáo dục đào tạo	62	0	62	62	62	0	0	0	0	

KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT TTHC TỪ NĂM 2015 – 2017 VÀ 8 THÁNG ĐẦU NĂM 2018

Thời gian	Số hồ sơ nhận giải quyết								Kết quả giải quyết Số hồ sơ đang giải quyết Quá hạn	Ghi chú
	Tổng số		Trong đó			Số hồ sơ đã giải quyết				
	Số kỳ trước chuyên qua	Số kỳ trước chuyên qua	Số mới tiếp nhận	Tổng số	Trả đúng thời hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn		
<i>8 tháng</i>	4885	327	4558	4739	4685	54	146	136	10	
<i>Năm 2017</i>	6250	204	6046	5921	5756	165	327	315	12	
<i>Năm 2016</i>	6160	197	5963	5710	5442	268	204	193	11	
<i>Năm 2015</i>	5378	171	5207	5181	5046	135	197	197	0	
<i>Tổng</i>	22673	899	21774	21551	20929	622	874	841	33	

BẢNG TỔNG HỢP THU PHÍ, LỆ PHÍ (Từ 2015 – 2017)

Năm	Thu	Lĩnh vực									Tu pháp	Nông nghiệp		
		Tài Nguyên môi trường				Kinh tế- Hạ Tầng			Tài chính - Kế hoạch				Cải chính	cấp đổi gia hạn
		Thế chấp, xóa thế chấp	Chuyển nhượng	Tặng cho	Trùng đầu giá	Cấp phép Xây dựng	Thẩm định BCKTKT	Kết quả lựa chọn nhà thầu	Cấp phép kinh doanh	Quyết toán				
2015	352,393,000	64.660.000	0	0	0	1.900.000	84.830.000	0	46.500.000	147.043.000	2.350.000	5.110.000		
		64,660,000				86,730,000			193,543,000		2,350,000			
2016	411,534,000	0	0	0	0	0	0	0		0	0	0		
		69.780.000	0	0	0	2.050.000	153.290.000	0	93.610.000	85.724.000	50.000	7.030.000		
		69,780,000				155,340,000			179,334,000		50,000	7,030,000		
2017	760,077,000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
		79.600.000				3.000.000	313.277.000	39.991.000	76.990.000	240.159.000	740.000	6.300.000		
		79,620,000				356,268,000			317,149,000		740,000	6,300,000		
Tổng 3 năm	1,542,004,000	214,060,000				598,338,000			690,026,000		3,140,000	18,440,000		

BẢNG TỔNG HỢP CHI NGUỒN THU PHÍ, LỆ PHÍ TỪ 2015 – 2017.

Năm	Lĩnh vực	Tổng số thu	Số tiền nộp ngân sách nhà nước	Tổng số để lại chi	Trích lại 10% bộ phận	Trích lại 90% PCM	Ghi chú
2015							
1	Lĩnh vực TNMT	64.660.000	12.932.000	51.728.000	Để lại bộ phận chi hoạt động		
2	Lĩnh vực KTHH	86.730.000	8.873.000	77.857.000	Để lại bộ phận chi hoạt động		
3	Lĩnh vực TCKH	193.543.000	24.004.000	169.539.000	Để lại bộ phận chi hoạt động		
4	Lĩnh vực NN	5.110.000	511.000	4.599.000	Để lại bộ phận chi hoạt động		
5	Lĩnh vực TP	2.350.000	470.000	1.880.000	Để lại bộ phận chi hoạt động		
Tổng 2015		352,393,000	46,790,000	305,603,000			
2016							
1	Lĩnh vực TNMT	69.780.000	13.956.000	55.824.000	5.582.400	50.241.600	
2	Lĩnh vực KTHH	155.340.000	7.117.700	148.222.300	14.822.230	133.400.070	
3	Lĩnh vực TCKH	179.334.000	19.066.800	160.267.200	16.026.720	144.240.480	
4	Lĩnh vực NN	7.030.000	703.000	6.327.000	632.700	5.694.300	
5	Lĩnh vực TP	50.000	10.000	40.000	4.000	36.000	
Tổng 2016		411,534,000	40,853,500	370,680,500	37,068,050	333,612,450	
2017							
1	Lĩnh vực TNMT	79.620.000	15.924.000	63.696.000	6.369.600	57.326.400	
2	Lĩnh vực KTHH	356.268.000	33.848.000	322.420.000	32.242.000	290.178.000	
3	Lĩnh vực TCKH	317.149.000	70.110.000	247.039.000	24.703.900	222.335.100	
4	Lĩnh vực NN	6.300.000	0	6.300.000	630.000	5.670.000	
5	Lĩnh vực TP	740.000	740.000	0	0	0	
Tổng 2017		760,077,000	120,622,000	639,455,000	63,945,500	575,509,500	
Tổng 3 năm		1,524,004,000	208,265,500	1,315,738,500	406,616,550	909,121,950	

BỘ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ, THỊ TRẤN

Mã số	Tên	Cơ quan Công bố/Công khai	Cơ quan thực hiện	Lĩnh vực
BTP-THA-277447	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp xã)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã Cơ quan giải quyết bồi thường là cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại trong hoạt động quản lý hành chính quy định tại Điều 33 của Luật TNBTCNN năm 2017 ở cấp xã	Bồi thường nhà nước
BGTVT-THA-285765	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp huyện Ủy ban nhân dân cấp xã Sở Giao thông vận tải	Đường thủy nội địa
BTP-THA-276622	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Chứng thực
BTP-THA-276620	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Chứng thực
BTP-THA-276618	Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Chứng thực

Mã số	Tên	Cơ quan Công bố/Công khai	Cơ quan thực hiện	Lĩnh vực
BTP-THA-276616	Thủ tục chứng thực di chúc	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Chứng thực
BTP-THA-276614	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Chứng thực
BTP-THA-276600	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	UBND tỉnh Thanh Hóa	Phòng Tư pháp UBND cấp xã/phường	Chứng thực
BTP-THA-276599	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	UBND tỉnh Thanh Hóa	Phòng Tư pháp UBND cấp xã/phường	Chứng thực
BTP-THA-276598	Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	UBND tỉnh Thanh Hóa	Phòng Tư pháp UBND cấp xã/phường	Chứng thực
BTP-THA-276597	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Tổ chức hành nghề công chứng Phòng Tư pháp Ủy ban nhân dân cấp xã	Chứng thực

Mã số	Tên	Cơ quan Công bố/Công khai	Cơ quan thực hiện	Lĩnh vực
BTP-THA-276594	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	UBND tỉnh Thanh Hóa	Tổ chức hành nghề công chứng Phòng Tư pháp Ủy ban nhân dân cấp xã	Chứng thực
BTP-THA-276593	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cơ quan, tổ chức đang quản lý sổ gốc	Chứng thực
BGD-THA-285395	Giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Giáo dục đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và các cơ sở khác
BGD-THA-285394	Sáp nhập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Giáo dục đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và các cơ sở khác
BGD-THA-285396	Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Giáo dục đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và các cơ sở khác
BGD-THA-285393	Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Giáo dục đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và các cơ sở khác
BGD-THA-285397	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Giáo dục đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và các cơ sở khác
THA-289661	Xét, công nhận thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới	UBND tỉnh Thanh Hóa	UBND xã	Nông thôn mới
THA-289660	Đăng ký thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới	UBND tỉnh Thanh Hóa	UBND xã	Nông thôn mới

Mã số	Tên	Cơ quan Công bố/Công khai	Cơ quan thực hiện	Lĩnh vực
THA-289655	<u>Thủ tục công nhận Hộ nông dân sản xuất kinh doanh giỏi, Chi hội nông dân tổ chức phong trào giỏi cấp xã.</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Hội nông dân	Thi đua khen thưởng
TTR-THA-22	<u>Thủ tục xử lý đơn tại cấp xã</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	Xử lý đơn thư
TTR-THA-15	<u>thủ tục tiếp công dân tại cấp xã</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Tiếp công dân
TTR-THA-11	<u>thủ tục giải quyết tố cáo tại cấp xã</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	Giải quyết tố cáo
TTR-THA-4	<u>thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	Giải quyết khiếu nại
TTR-THA-28	<u>Thủ tục thực hiện việc giải trình</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cơ quan hành chính nhà nước các cấp Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan hành chính nhà nước	Phòng, chống tham nhũng

Mã số	Tên	Cơ quan Công bố/Công khai	Cơ quan thực hiện	Lĩnh vực
TTR-THA-27	<u>Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cơ quan hành chính nhà nước các cấp Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan hành chính nhà nước	Phòng, chống tham nhũng
TTR-THA-18- 10950	<u>thủ tục xác minh tài sản, thu nhập</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cơ quan hành chính nhà nước các cấp Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan hành chính nhà nước Doanh nghiệp nhà nước	Phòng, chống tham nhũng
TTR-THA-16- 10950	<u>thủ tục thực hiện việc kê khai tài sản thu nhập</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cơ quan hành chính nhà nước các cấp Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan hành chính nhà nước Doanh nghiệp nhà nước	Phòng, chống tham nhũng

Mã số	Tên	Cơ quan Công bố/Công khai	Cơ quan thực hiện	Lĩnh vực
TTR-THA-17-10950	<u>thủ tục công khai bán kế khai tài sản, thu nhập</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cơ quan hành chính nhà nước các cấp Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan hành chính nhà nước Doanh nghiệp nhà nước	Phòng, chống tham nhũng
BTP-THA-277373	<u>Thủ tục cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	UBND xã, thị trấn	Phổ biến giáo dục pháp luật
BTP-THA-277372	<u>Thủ tục công nhận tuyên truyền viên pháp luật</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	UBND cấp xã/phường	Phổ biến giáo dục pháp luật
T-THA-287688-TT	<u>Xóa giấy chứng nhận đăng ký phương tiện(cấp xã)</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Đường thủy nội địa
T-THA-287687-TT	<u>Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký phương tiện.</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	UBND cấp xã/phường	Đường thủy nội địa
T-THA-287686-TT	<u>Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác. (cấp xã)</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Đường thủy nội địa
T-THA-287685-TT	<u>Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện (cấp xã)</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Đường thủy nội địa

Mã số	Tên	Cơ quan Công bố/Công khai	Cơ quan thực hiện	Lĩnh vực
T-THA-287684-TT	<u>Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện (cấp xã)</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Đường thủy nội địa
T-THA-287683-TT	<u>Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật. (cấp xã)</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Đường thủy nội địa
T-THA-287682-TT	<u>Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa. (cấp xã)</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Đường thủy nội địa
T-THA-287681-TT	<u>Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa. (cấp xã)</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Đường thủy nội địa
T-THA-287680-TT	<u>Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa. (cấp xã)</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Đường thủy nội địa
THA-289479	<u>Thủ tục chấp thuận việc tổ chức quyên góp của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo trong phạm vi một xã.</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Tôn giáo
THA-289478	<u>Thủ tục thông báo về việc sửa chữa, cải tạo, nâng cấp công trình tín ngưỡng, công trình tôn giáo không phải xin cấp giấy phép xây dựng.</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Tôn giáo
THA-289477	<u>Thủ tục đăng ký người vào tu.</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Tôn giáo
THA-289476	<u>Thủ tục đăng ký chương trình hoạt động tôn giáo hàng năm của tổ chức tôn giáo cơ sở.</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Tôn giáo
THA-289475	<u>Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo.</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Tôn giáo

Mã số	Tên	Cơ quan Công bố/Công khai	Cơ quan thực hiện	Lĩnh vực
THA-289474	<u>Thủ tục thông báo dự kiến hoạt động tín ngưỡng diễn ra vào năm sau tại cơ sở tín ngưỡng.</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Tôn giáo
T-THA-289473-TT	<u>Thủ tục thông báo người đại diện hoặc Ban quản lý cơ sở tín ngưỡng.</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn	Tôn giáo
T-THA-289316-TT	<u>Đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 500 bản đến dưới 1.000 bản.</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Thư viện
T-THA-289270-TT	<u>Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em.</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Bảo vệ chăm sóc trẻ em
T-THA-289269-TT	<u>Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em.</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Bảo vệ chăm sóc trẻ em
T-THA-289268-TT	<u>Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Bảo vệ chăm sóc trẻ em
T-THA-289265-TT	<u>Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em.</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	Bảo vệ chăm sóc trẻ em
T-THA-289264-TT	<u>Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em (cấp xã)</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Bảo vệ chăm sóc trẻ em
T-THA-288411-TT	<u>Đăng ký khai tử</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Hộ tịch

Mã số	Tên	Cơ quan Công bố/Công khai	Cơ quan thực hiện	Lĩnh vực
T-THA-288410-TT	<u>Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Hộ tịch
T-THA-288409-TT	<u>Đăng ký nhận cha, mẹ, con</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Hộ tịch
T-THA-288408-TT	<u>Đăng ký kết hôn</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Hộ tịch
T-THA-288407-TT	<u>Đăng ký khai sinh</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Hộ tịch
T-THA-288382-TT	<u>Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Hộ tịch
T-THA-288381-TT	<u>Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Hộ tịch
T-THA-288380-TT	<u>Thủ tục đăng ký khai tử lưu động</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Hộ tịch
T-THA-288379-TT	<u>Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Hộ tịch
T-THA-288377-TT	<u>Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Hộ tịch
T-THA-288376-TT	<u>Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Hộ tịch
T-THA-288373-TT	<u>Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Hộ tịch

Mã số	Tên	Cơ quan Công bố/Công khai	Cơ quan thực hiện	Lĩnh vực
T-THA-288367-TT	<u>Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Hộ tịch
T-THA-288366-TT	<u>Thủ tục đăng ký giám hộ</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Hộ tịch
T-THA-288363-TT	<u>Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Hộ tịch
T-THA-288361-TT	<u>Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Hộ tịch
T-THA-288359-TT	<u>Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Hộ tịch
T-THA-288358-TT	<u>Thủ tục đăng ký lại khai sinh</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Hộ tịch
T-THA-288357-TT	<u>Thủ tục đăng ký lại kết hôn</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Hộ tịch
T-THA-288356-TT	<u>Thủ tục đăng ký lại khai tử</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Hộ tịch
T-THA-288354-TT	<u>Thủ tục cấp bản sao Trích lục hộ tịch</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu hộ tịch	Hộ tịch
T-THA-288329-TT	<u>Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Dân số - Kế hoạch hóa gia đình

Mã số	Tên	Cơ quan Công bố/Công khai	Cơ quan thực hiện	Lĩnh vực
T-THA-288243-TT	<u>Thủ tục giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Người có công
T-THA-288242-TT	<u>Thủ tục hỗ trợ, di chuyển hài cốt liệt sĩ</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Người có công
T-THA-288241-TT	<u>Thủ tục thực hiện chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Người có công
T-THA-288240-TT	<u>Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Người có công
T-THA-288239-TT	<u>Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Người có công
T-THA-288238-TT	<u>Thủ tục xác nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đối với người bị thương không thuộc lực lượng công an, quân đội trong chiến tranh từ ngày 31/12/1991 trở về trước không còn giấy tờ</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Người có công
T-THA-288237-TT	<u>Thủ tục mua bảo hiểm y tế đối với người có công và thân nhân</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Người có công
T-THA-288236-TT	<u>Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, người có công giúp đỡ cách mạng đã chết</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Người có công

Mã số	Tên	Cơ quan Công bộ/Công khai	Cơ quan thực hiện	Lĩnh vực
T-THA-288235-TT	<u>Thủ tục giải quyết chế độ ưu đãi đối với Bà mẹ Việt Nam anh hùng</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Người có công
T-THA-288234-TT	<u>Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp thò cùng liệt sĩ</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Người có công
T-THA-288233-TT	<u>Thủ tục giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Người có công
T-THA-288232-TT	<u>Thủ tục giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Người có công
T-THA-288231-TT	<u>Thủ tục giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Người có công
T-THA-288230-TT	<u>Thủ tục giải quyết hưởng chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Người có công
T-THA-288229-TT	<u>Thủ tục giải quyết chế độ đối với thương binh, người hưởng chính sách như thương binh</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Người có công
T-THA-288228-TT	<u>Thủ tục giải quyết chế độ đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Người có công
T-THA-288227-TT	<u>Thủ tục giải quyết chế độ đối ưu đãi với thân nhân liệt sĩ</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Người có công
T-THA-288226-TT	<u>Thủ tục giải quyết trợ cấp tiền tuất hàng tháng cho thân nhân khi người có công với cách mạng từ trần</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Người có công
T-THA-288225-TT	<u>Thủ tục hưởng mai táng phí, trợ cấp một lần khi người có công với cách mạng từ trần</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Người có công

Mã số	Tên	Cơ quan Công bố/Công khai	Cơ quan thực hiện	Lĩnh vực
T-THA-287920-TT	<u>Hỗ trợ học văn hóa, học nghề trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân.</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Phòng, chống tệ nạn xã hội
T-THA-287919-TT	<u>Bình chọn, xét công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số.</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Công tác dân tộc
T-THA-287918-TT	<u>Phê duyệt đối tượng vay vốn phát triển sản xuất đối với hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn giai đoạn 2012 - 2015.</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Công tác dân tộc
T-THA-288438-TT	<u>Xác nhận hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2014-2015 thuộc diện đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Bảo trợ xã hội
T-THA-288437-TT	<u>Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Bảo trợ xã hội
Mã số	Tên	Cơ quan Công bố/Công khai	quan thực hiện	h vực
T-THA-288436-TT	<u>Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Bảo trợ xã hội
T-THA-288435-TT	<u>Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Bảo trợ xã hội
T-THA-288433-TT	<u>Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội (được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng)</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Bảo trợ xã hội
T-THA-288432-TT	<u>Hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội (bao gồm cả đối tượng NKT đặc biệt nặng)</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Bảo trợ xã hội

Mã số	Tên	Cơ quan Công bố/Công khai	Cơ quan thực hiện	Lĩnh vực
T-THA-288431-TT	<u>Hỗ trợ kinh phí nhân nuôi dưỡng, chăm sóc đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Bảo trợ xã hội
T-THA-288430-TT	<u>Thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Bảo trợ xã hội
T-THA-288429-TT	<u>Thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Bảo trợ xã hội
T-THA-288428-TT	<u>Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng đối với các đối tượng bảo trợ xã hội (bao gồm cả người KT, người khuyết tật mang thai nuôi con dưới 36 tháng tuổi)</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Bảo trợ xã hội
T-THA-288427-TT	<u>Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Bảo trợ xã hội
T-THA-288426-TT	<u>Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Bảo trợ xã hội
T-THA-288417-TT	<u>Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã nơi trẻ em thường trú	Nuôi con nuôi
T-THA-288416-TT	<u>Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Nuôi con nuôi

Mã số	Tên	Cơ quan Công bố/Công khai	Cơ quan thực hiện	Lĩnh vực
T-THA-288415-TT	<u>Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú của người nhận con nuôi hoặc của người được nhận làm con nuôi	Nuôi con nuôi
T-THA-287749-TT	<u>Đăng ký hoạt động nhóm trẻ đối với những nơi mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non chưa đáp ứng đủ nhu cầu đưa trẻ tới trường, lớp.</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Giáo dục và Đào tạo
T-THA-287748-TT	<u>Giải thể hoạt động nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tự thực.</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Giáo dục và Đào tạo
T-THA-287817-TT	<u>Công nhận danh hiệu "Công dân gương mẫu", "Gia đình kiểu mẫu" học và làm theo lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	Thi đua khen thưởng
T-THA-287816-TT	<u>Tham vấn báo cáo đánh giá tác động môi trường</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Môi trường
T-THA-287815-TT	<u>Xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Môi trường
T-THA-287814-TT	<u>Tham vấn ý kiến đề án bảo vệ môi trường chi tiết</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Môi trường
T-THA-287813-TT	<u>Xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Môi trường
T-THA-287689-TT	<u>Xác nhận hoạt động dịch vụ bảo vệ thực vật</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Bảo vệ thực vật

Mã số	Tên	Cơ quan Công bố/Công khai	Cơ quan thực hiện	Lĩnh vực
T-THA-286992-TT	<u>Thủ tục xác nhận vào đơn đề nghị di chuyển hài cốt liệt sĩ; đơn đề nghị thăm viếng mộ liệt sĩ</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Người có công
T-THA-286991-TT	<u>Thủ tục ủy quyền hưởng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Người có công
BLĐ-TBVXH-THA-286191	<u>Thủ tục "Quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại cộng đồng"</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Phòng, chống tệ nạn xã hội
T-THA-286947-TT	<u>Thủ tục "Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình"</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Phòng, chống tệ nạn xã hội
T-THA-286946-TT	<u>Thủ tục "Hoãn chấp hành quyết định cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng"</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Phòng, chống tệ nạn xã hội
T-THA-286945-TT	<u>Thủ tục "Miễn chấp hành quyết định cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng"</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Phòng, chống tệ nạn xã hội
T-THA-286860-TT	<u>Tiếp nhận đối tượng tự nguyện vào cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Bảo trợ xã hội
T-THA-286840-TT	<u>Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ chi phí mai táng</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Bảo trợ xã hội
T-THA-286626-TT	<u>Thủ tục bầu hòa giải viên (cấp xã)</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Phổ biến giáo dục pháp luật
T-THA-286625-TT	<u>Thủ tục bầu tổ trưởng tổ hòa giải (cấp xã)</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Phổ biến giáo dục pháp luật
T-THA-286624-TT	<u>Thủ tục thôi làm hòa giải viên (cấp xã)</u>	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban nhân dân cấp xã	Phổ biến giáo dục pháp luật

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH PHÒNG TÀI NGUYÊN & MÔI TRƯỜNG - UBND HUYỆN NGA SƠN

TT	Lĩnh vực Phòng tài nguyên và môi trường: 40 TTHC/04 lĩnh vực	UBND huyện thực hiện TTHC	Thời gian thực hiện thủ tục hành chính theo quy định	UBND huyện giảm thời gian thực hiện TTHC	Thời gian thực hiện TTHC tại UBND huyện Nga Sơn	
	1. Lĩnh vực đăng ký giao dịch bảo đảm: 10 TTHC. <i>(Căn cứ Quyết định số 1971/QĐ-UBND ngày 08/6/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)</i>	10 TTHC			Thời gian thực hiện TTHC tại Phòng, ban chuyên môn	Thời gian lãnh đạo ký
1	Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất.		Trong ngày, trường hợp phải kéo dài thời gian giải quyết không quá 03 ngày làm việc.	Trong ngày làm việc	Trong ngày	Trong ngày
2	Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất.		Trong ngày, trường hợp phải kéo dài thời gian giải quyết không quá 03 ngày làm việc.	Trong ngày làm việc,	Trong ngày	Trong ngày
3	Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất đã hình thành nhưng chưa được chứng nhận quyền sở hữu trên Giấy chứng nhận		Trong ngày, trường hợp phải kéo dài thời gian giải quyết không quá 03 ngày làm việc.	Trong ngày làm việc	Trong ngày,	Trong ngày
4	Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai không phải là nhà ở; đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai không phải là nhà ở.		Trong ngày, trường hợp phải kéo dài thời gian giải quyết không quá 03 ngày làm việc.	Trong ngày làm việc	Trong ngày	Trong ngày
5	Đăng ký thế chấp dự án đầu tư xây dựng nhà ở, nhà ở hình thành trong tương lai.		Trong ngày, trường hợp phải kéo dài thời gian giải quyết không quá 03 ngày làm việc.	Trong ngày làm việc	Trong ngày	Trong ngày

6	Đăng ký thay đổi nội dung thể chấp.		Trong ngày, trường hợp phải kéo dài thời gian giải quyết không quá 03 ngày làm việc.	Trong ngày làm việc	Trong ngày	Trong ngày
7	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp đã đăng ký thế chấp.		Trong ngày, trường hợp phải kéo dài thời gian giải quyết không quá 03 ngày làm việc.	Trong ngày làm việc	Trong ngày	Trong ngày
8	Sửa chữa sai sót nội dung đăng ký thế chấp do lỗi của người thực hiện đăng ký.		Trong ngày, trường hợp phải kéo dài thời gian giải quyết không quá 03 ngày làm việc.	Trong ngày làm việc	Trong ngày	Trong ngày
9	Xóa đăng ký thế chấp		Trong ngày, trường hợp phải kéo dài thời gian giải quyết không quá 03 ngày làm việc.	Trong ngày làm việc	Trong ngày	Trong ngày
10	Hồ sơ chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở.		Trong ngày, trường hợp phải kéo dài thời gian giải quyết không quá 03 ngày làm việc.	Trong ngày làm việc	Trong ngày	Trong ngày
	2. Lĩnh vực Đất đai: 27 TTHC	27 TTHC				
11	Thủ tục thu hồi đất vì mục đích Quốc phòng, an ninh; Phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng. (Căn cứ Quyết định số 325/QĐ-UBND ngày 25/01/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)		Thời gian giải quyết từ khi ban hành thông báo thu hồi đất đến khi ban hành Quyết định thu hồi đất; 90 ngày đối với đất nông nghiệp và 180 ngày đối với đất phi nông nghiệp.	Giảm 30 ngày đối với đất nông nghiệp và 90 ngày đối với đất phi nông nghiệp.	58 ngày đối với đất nông nghiệp và 88 ngày đối với đất phi nông nghiệp.	02 ngày
12	Thủ tục về tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp huyện. (Căn cứ Quyết định số 5370/QĐ-UBND ngày 21/12/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)		Không quá 45 ngày làm việc.		Không quá 43 ngày	02 ngày
13	Thủ tục thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư. (Căn cứ Quyết định số 3983/QĐ-UBND ngày 09/10/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)		Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		Không quá 28 ngày	02 ngày
14	Thủ tục giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao		Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc (không kể thời gian giải phóng mặt bằng; không kể thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của		05 ngày	02 ngày

	đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất. (Căn cứ Quyết định số 3983/QĐ-UBND ngày 09/10/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)		người sử dụng đất).			
15	Thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình, cá nhân. (Căn cứ Quyết định số 3983/QĐ-UBND ngày 09/10/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)		- Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc (không kể thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất).		05 ngày	02 ngày
16	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu. (Căn cứ Quyết định số 3427/QĐ-UBND ngày 08/9/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)		- Tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện: 16 ngày (nếu hồ sơ nộp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện); - Tại UBND huyện: 06 ngày; Thời gian trên không bao gồm thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định.		- Tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện: 16 ngày (nếu hồ sơ nộp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện); - Tại UBND huyện: 04 ngày;	02 ngày
17	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu. (Căn cứ Quyết định số 3427/QĐ-UBND ngày 08/9/2016)		Không quá 20 ngày kể từ ngày kê từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Thời gian này không bao gồm thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định.	Giảm 05 ngày	Không quá 13 ngày	02 ngày
18	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất. (Căn cứ Quyết định số 3427/QĐ-UBND ngày 08/9/2016)		- Tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện: 16 ngày (nếu hồ sơ nộp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện); - Tại UBND huyện: 06 ngày; Thời gian trên không bao gồm thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định.	Giảm 15 ngày	- Tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện: 05 ngày (nếu hồ sơ nộp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện); - Tại UBND huyện: 01 ngày;	01 ngày

19	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý. (Căn cứ Quyết định số 3427/QĐ-UBND ngày 08/9/2016)		Không quá 15 ngày tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện. Thời gian trên không bao gồm thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định.		Không quá 13 ngày tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện.	02 ngày
20	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng. (Căn cứ Quyết định số 3427/QĐ-UBND ngày 08/9/2016)		Không quá 10 ngày kể từ ngày kê từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó: - Tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện: 05 ngày (nếu hồ sơ nộp tại UBND cấp xã) và 07 ngày (nếu nộp hồ sơ tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện hoặc không phải cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất); - Tại UBND cấp huyện: 02 ngày (đối với trường hợp phải cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất). Thời gian trên không bao gồm thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định.		- VP Đất không quá 05 ngày; - UBND huyện 02 ngày.	02 ngày
21	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm. (Căn cứ Quyết định số 3427/QĐ-UBND ngày 08/9/2016)		- Đối với thủ tục đăng ký biến động mua, góp vốn tài sản: Không quá 10 ngày: + Tại UBND cấp xã: 03 ngày (nếu hồ sơ nộp tại UBND cấp xã); + Tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện: 05 ngày (nếu nộp hồ sơ tại UBND cấp xã) và 07 ngày (nếu nộp hồ sơ tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện hoặc không phải cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất); + Tại UBND cấp huyện: 02 ngày (đối với		- Đối với thủ tục đăng ký biến động mua, góp vốn tài sản: + VP Đất không quá 05 ngày; + UBND huyện 02 ngày. - Đối với thủ tục thuê đất: 07 ngày làm việc.	02 ngày

			<p>trường hợp phải cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất).</p> <p>- Đối với thủ tục thuê đất: 07 ngày làm việc. Thời gian trên không bao gồm thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định.</p>			
22	<p>Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; chuyển quyền sử dụng đất của hộ gia đình vào doanh nghiệp tư nhân. (Căn cứ Quyết định số 3427/QĐ-UBND ngày 08/9/2016)</p>	<p>- Trường hợp xác nhận trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: + Tại UBND xã: 03 ngày (nếu nộp hồ sơ tại UBND cấp xã); + Tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện: 10 ngày.</p> <p>- Trường hợp cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: + Tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện: 12 ngày; + Tại UBND huyện: 03 ngày.</p> <p>Thời gian trên không bao gồm thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định.</p>		<p>- Trường hợp xác nhận trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: + Tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện: 08 ngày.</p> <p>- Trường hợp cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: + Tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện: 10 ngày. + Tại UBND huyện: 03 ngày.</p>	02 ngày	
23	<p>Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ</p>	<p>Không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</p> <p>Thời gian trên không bao gồm thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng</p>	Giảm 08 ngày	05 ngày	02 ngày	

	giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất. (Căn cứ Quyết định số 3427/QĐ-UBND ngày 08/9/2016)		đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định.			
24	Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất. (Căn cứ Quyết định số 3427/QĐ-UBND ngày 08/9/2016)		Không quá 30 ngày, trong đó: + Tại UBND cấp xã: 03 ngày (nếu nộp hồ sơ tại UBND cấp xã). + Tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện: 22 ngày. + Tại UBND cấp huyện: 05 ngày. Thời gian này không bao gồm thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định.	Giảm 10 ngày, trong đó: + Tại VP Đất giảm 07 ngày + Tại UBND huyện giảm 03 ngày.	+ Tại VP Đất giảm 13 ngày + Tại UBND huyện giảm 02 ngày.	02 ngày
25	Thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu. (Căn cứ Quyết định số 246/QĐ-UBND ngày 19/01/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)		20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong đó: - Tại UBND cấp xã: 03 ngày (nếu hồ sơ nộp tại UBND cấp xã); - Tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện: 17 ngày (nếu nộp tại UBND cấp xã) và 20 ngày (nếu hồ sơ nộp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện). Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả giải quyết.	Giảm 10 ngày tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện	- Tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện: 05 ngày	02 ngày
26	Thủ tục đăng ký bổ sung đối với tài sản gắn liền với đất của người sử dụng đất đã được cấp Giấy chứng nhận. (Căn cứ Quyết định số 246/QĐ-UBND ngày 19/01/2016)		18 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó: - Tại UBND cấp xã: 03 ngày (nếu nộp hồ sơ tại UBND cấp xã); - Tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện: 05 ngày; - Thời gian xin ý kiến UBND cấp xã, cơ quan, đơn vị quản lý tài sản (nếu có): 05	Giảm 05 ngày	- Tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện: 05 ngày; - Tại UBND cấp huyện: 03 ngày.	02 ngày

			<p>ngày;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tại UBND cấp huyện: 05 ngày. <p>Thời gian trên không bao gồm thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định.</p> <p>Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả giải quyết.</p>			
27.	<p>Thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở. (Căn cứ Quyết định số 246/QĐ-UBND ngày 19/01/2016)</p>		<p>30 ngày kể từ ngày kê từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện: 20 ngày; - Tại UBND cấp huyện: 10 ngày. <p>Thời gian trên không bao gồm thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định.</p> <p>Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả giải quyết.</p>	Giảm 20 ngày	<ul style="list-style-type: none"> - Tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện: 06 ngày; - Tại UBND cấp huyện: 02 ngày. 	02 ngày
28	<p>Thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định. (Căn cứ Quyết định số 246/QĐ-UBND ngày 19/01/2016)</p>		<p>30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tại UBND cấp xã: 03 ngày (nếu nộp hồ sơ tại UBND cấp xã); - Tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện: 16 ngày (nếu hồ sơ nộp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện); - Thời gian xin ý kiến UBND cấp xã, cơ quan, đơn vị quản lý tài sản (nếu có): 05 ngày; - Tại UBND cấp huyện: 06 ngày. 	Giảm 12 ngày	<ul style="list-style-type: none"> - Tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện: 06 ngày (nếu hồ sơ nộp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện); - Tại UBND cấp huyện: 02 ngày. 	02 ngày

			<p>Thời gian trên không bao gồm thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định.</p> <p>Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả giải quyết.</p>			
29	<p>Thủ tục xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất. (Căn cứ Quyết định số 246/QĐ-UBND ngày 19/01/2016)</p>		<p>- Không quá 05 ngày, trong đó: + Tại UBND cấp xã: 03 ngày (nếu nộp tại UBND cấp xã); + Tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện: 02 ngày (nếu nộp hồ sơ tại UBND cấp xã) và 05 ngày (nếu nộp hồ sơ tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện).</p> <p>Thời gian trên không bao gồm thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định.</p> <p>- Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả giải quyết.</p>		<p>+ Tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện: 01 ngày (nếu nộp hồ sơ tại UBND cấp xã) và 04 ngày (nếu nộp hồ sơ tại UBND cấp huyện).</p>	01 ngày
30	<p>Thủ tục đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận. (Căn cứ Quyết</p>		<p>Trường hợp xác nhận trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: + Tại UBND xã: 03 ngày (nếu nộp hồ sơ tại UBND cấp xã); + Tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện: 12 ngày (nếu hồ sơ nộp tại UBND cấp xã) và 15 ngày (nếu hồ sơ nộp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện).</p> <p>- Trường hợp cấp mới giấy chứng nhận</p>	<p>- Trường hợp xác nhận trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: + Tại VP Đất giảm 07 ngày. - Trường hợp cấp mới giấy chứng</p>	<p>- Trường hợp xác nhận trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: + Tại VP Đất 04 ngày. - Trường hợp cấp mới giấy chứng</p>	01 ngày

	<i>định số 246/QĐ-UBND ngày 19/01/2016)</i>		<p>quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:</p> <p>+ Tại UBND xã: 03 ngày (nếu nộp hồ sơ tại UBND cấp xã);</p> <p>+ Tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện: 10 ngày (nếu hồ sơ nộp tại UBND cấp xã) và 13 ngày (nếu hồ sơ nộp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện).</p> <p>+ Tại UBND huyện: 02 ngày.</p> <p>Thời gian trên không bao gồm thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định.</p> <p>- Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả giải quyết.</p>	<p>nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:</p> <p>+ Tại VP Đất giảm 03 ngày</p> <p>+ Tại UBND huyện giảm 01 ngày</p>	<p>nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:</p> <p>+ Tại VP Đất giảm 06 ngày</p> <p>+ Tại UBND huyện 01 ngày</p>	
31	<p>Thủ tục đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thừa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thừa đất liền kề. (<i>Căn cứ Quyết định số 246/QĐ-UBND ngày 19/01/2016</i>)</p>		<p>10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ:</p> <p>+ Tại UBND cấp xã: 03 ngày (nếu hồ sơ nộp tại UBND cấp xã);</p> <p>+ Tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất: 07 ngày.</p> <p>Thời gian này không bao gồm thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định.</p> <p>- Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả giải quyết.</p>		<p>- Không quá 06 ngày tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất</p>	01 ngày
32	<p>Thủ tục gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế. (<i>Căn cứ Quyết định số 246/QĐ-UBND ngày 19/01/2016</i>)</p>		<p>- Không quá 15 ngày, trong đó:</p> <p>+ Tại UBND xã: 03 ngày (nếu hồ sơ nộp tại UBND cấp xã);</p> <p>+ Tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất:</p>		<p>- Không quá 12 ngày, trong đó:</p> <p>+ VPĐất 02 ngày,</p> <p>+ UBND huyện 08</p>	02 ngày

			<p>02 ngày. + Tại UBND cấp huyện: 10 ngày. Thời gian này không bao gồm thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định. - Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả giải quyết.</p>		ngày	
33.	<p>Thủ tục xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu. (Căn cứ Quyết định số 246/QĐ-UBND ngày 19/01/2016)</p>		<p>- Không quá 10 ngày, trong đó: + Tại UBND cấp xã: 05 ngày; + Tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện: 05 ngày. Thời gian này không bao gồm thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định. - Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả giải quyết.</p>		-Không quá 04 ngày tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất	01 ngày
34	<p>Thủ tục tách thửa hoặc hợp thửa đất. (Căn cứ Quyết định số 246/QĐ-UBND ngày 19/01/2016)</p>		<p>20 ngày, trong đó: + Tại UBND cấp xã: 03 ngày (nếu nộp hồ sơ tại UBND cấp xã); + Tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện: 14 ngày; + Tại UBND cấp huyện: 03 ngày. Thời gian này không bao gồm thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định. - Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn</p>	VPĐKCCQSD Đất giảm 04 ngày,	+ Tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện: 10 ngày; + Tại UBND cấp huyện: 02 ngày.	01 ngày

			liên với đất trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả giải quyết.			
35	Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. (Căn cứ Quyết định số 246/QĐ-UBND ngày 19/01/2016)		Không quá 10 ngày, trường hợp cấp đổi đồng loạt cho nhiều người sử dụng đất do đo vẽ lại bản đồ không quá 50 ngày, trong đó: + Tại UBND cấp xã: 03 ngày (nêu nộp hồ sơ tại UBND cấp xã); + Tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện: 05 ngày (42 ngày đối với trường hợp cấp đổi đồng loạt cho nhiều người sử dụng đất do đo vẽ lại bản đồ); + Tại UBND cấp huyện: 02 ngày (05 ngày đối với trường hợp cấp đổi đồng loạt cho nhiều người sử dụng đất do đo vẽ lại bản đồ). Thời gian này không bao gồm thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định. - Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả giải quyết.		+ Tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện: 04 ngày (42 ngày đối với trường hợp cấp đổi đồng loạt cho nhiều người sử dụng đất do đo vẽ lại bản đồ); + Tại UBND cấp huyện: 02 ngày (05 ngày đối với trường hợp cấp đổi đồng loạt cho nhiều người sử dụng đất do đo vẽ lại bản đồ).	01 ngày
36	Thủ tục chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân. (Căn cứ Quyết định số 246/QĐ-UBND ngày 19/01/2016)		Không quá 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ; trường hợp cấp đổi đồng loạt cho nhiều người sử dụng đất do đo vẽ lại bản đồ là không quá 50 ngày. Thời gian này không bao gồm thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định. - Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả giải quyết.	Không quá 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ; trường hợp cấp đổi đồng loạt cho nhiều người sử dụng đất do đo vẽ lại bản đồ giảm 37 ngày: + VPĐất 10 ngày, + UBND huyện 03 ngày.	Không quá 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ; trường hợp cấp đổi đồng loạt cho nhiều người sử dụng đất do đo vẽ lại bản đồ là không quá 12 ngày: + VPĐất 10 ngày, + UBND huyện 02 ngày.	01 ngày
37	Thủ tục đính chính Giấy chứng nhận		- Không quá 13 ngày, trong đó:	+ Tại Văn phòng	+ Tại Văn phòng	01

	đã cấp. (Căn cứ Quyết định số 246/QĐ-UBND ngày 19/01/2016)		+ Tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện: 08 ngày. + Tại UBND cấp huyện: 05 ngày. Thời gian này không bao gồm thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định. - Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả giải quyết.	Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện giảm: 03 ngày. + Tại UBND cấp huyện giảm: 02 ngày.	Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện: 05 ngày. + Tại UBND cấp huyện: 02 ngày.	ngày
	3. Lĩnh vực biển hải đảo: 01 TTHC (Căn cứ Quyết định số 5058/QĐ-UBND ngày 02/12/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)	01 TTHC				
38	Thẩm định, phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đối với các cơ sở kinh doanh xăng dầu có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu ở mức độ nhỏ trên đất liền (dưới 20 tấn) đóng trên địa bàn quản lý của UBND cấp huyện		18 ngày làm việc hành chính		16 ngày	02 ngày
	4. Lĩnh vực môi trường: 02 TTHC (Căn cứ Quyết định số 3616/QĐ-UBND ngày 19/9/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)	02 TTHC				
39	Xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản.		10 ngày làm việc		08 ngày	02 ngày
40	Xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường		10 Ngày làm việc		08 ngày	02 ngày